

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/KDTM-ST.
Ngày: 13 - 6 - 2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Chí Thiện;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G; trụ sở tại: Số 120, H, Phường 7, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- + Bà Nguyễn Thị D;
- + Ông Cao Minh N.

Nơi làm việc: Số 120, H, Phường 7, quận B, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 02/2024/GUQ-NG), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C; trụ sở tại: Số 132, đường B, khu phố 1, phường C, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh T; nơi thường trú: Số 256, N, Phường 8, Quận 10, Thành phố H; nơi tạm trú: Số 466, Đ, Tổ 13, khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh B là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G trình bày:**

Công Ty TNHH Chỉ Sợi Cao Su Thành C (gọi tắt là Thành C) là đối tác của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G (gọi tắt là Nam G) và đã mua hàng của Nam G theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số N156-IL-2023-SG ngày 02/6/2023 (gọi tắt là Hợp Đồng).

Trên cơ sở Hợp Đồng này, Thành C đã đặt cọc số tiền 100.000.000đồng vào ngày 07/7/2023, sau đó Nam G đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo Phiếu Giao Hàng số 9190035575 và theo Hóa Đơn số 1C23TNG2662, Thành C đã nhận hàng và không có khiếu nại gì thêm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 4 của Hợp Đồng, Thành C có nghĩa vụ thanh toán cho Nam G toàn bộ giá trị còn lại của Hợp Đồng (sau khi trừ đi số tiền 100.000.000đồng đặt cọc) trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn và nhận đủ hàng hóa. Vì ngày xuất hóa đơn 1C23TNG2662 và giao nhận hàng là 07/7/2023 nên ngày 05/9/2023 là ngày cuối cùng để thanh toán, kể từ ngày 10/9/2023 Nam G bắt đầu tính tiền phạt chậm thanh toán cho số nợ quá hạn với mức phạt 0,03%/ngày theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp Đồng.

Tính đến ngày 25/11/2024, Thành C đã chậm thanh toán 447 ngày, theo đó số tiền phạt chậm thanh toán với mức phạt chậm thanh toán là 0.03%/ngày là 70.965.720đồng, tuy nhiên số tiền này vượt quá 8% tổng giá trị số tiền chậm thanh toán. Do đó, tiền phạt chậm thanh toán cho số nợ gốc 529.200.000đồng (năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) tạm tính từ ngày 10/9/2023 đến ngày 25/11/2024 là 8% số tiền nợ gốc, tương đương 42.336.000đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Số tiền nợ gốc và tiền phạt chậm thanh toán mà Thành C chưa thanh toán cho Nam G được tính theo bảng như sau:

STT	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Ngày tới hạn thanh toán	Số ngày quá hạn (ngày)	Số tiền nợ gốc (VND)	Tiền phạt chậm thanh toán (0.03%/ngày) (VND)	Ghi chú
1	1C23TNG2662	07/7/2023	05/9/2023	447	629.200.000		
3	Số tiền đã thanh toán ngày 07/7/2023				100.000.000		
4	Số tiền nợ chưa thanh toán tính đến ngày 25/11/2024				529.200.000	42.336.000	
5	Tổng cộng số tiền phải thanh toán (bao gồm nợ gốc và tiền phạt chậm thanh toán) tính đến ngày 25/11/2024				571.536.000		

Như vậy kể từ khi quá hạn thanh toán, Nam G đã nhiều lần đề nghị Thành C thanh toán số tiền nợ nói trên nhưng Thành C không thực hiện đúng cam kết.

Ngày 18/12/2023, Nam G đã gửi Bảng đối chiếu công nợ yêu cầu Thành C thanh toán khoản nợ quá hạn với tổng số tiền 529.200.000đồng. Bảng Đối Chiếu Công Nợ này đã được ông Đặng Huỳnh L – Người đại diện theo pháp luật của Thành C tại thời điểm đó ký tên và được đóng dấu mộc đỏ của Thành C.

Ngày 14/6/2024, Nam G tiếp tục gửi Bảng đối chiếu công nợ yêu cầu Thành C thanh toán khoản nợ quá hạn với nội dung tương tự Bảng đối chiếu công nợ đã gửi ngày 18/12/2023. Bảng đối chiếu công nợ ngày 14/6/2024 này cũng đã được Thành C xác nhận, theo đó bà Nguyễn Thị L - Kế toán đã ký tên và cam kết Thành C sẽ thanh toán số nợ trên cho Nam G trong tháng 8/2024.

Đại diện của Nam G tiếp tục liên hệ phía Thành C nhiều lần nhưng Thành C vẫn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình.

Yêu cầu cụ thể của nguyên đơn như sau:

Buộc Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G số tiền nợ gốc là 529.200.000đồng (năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền phạt chậm thanh toán là 8% giá trị số tiền nợ gốc tương ứng với số tiền 42.336.000đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G tạm tính đến ngày 25/11/2024 là 571.536.000đồng (năm trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Hợp đồng mua bán hàng hóa số N156-IL-2023-SG ngày 02/6/2023; Bảng đối chiếu công nợ ngày 18/12/2023 và ngày 14/6/2024, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 07/7/2023, phiếu giao hàng ngày 07/7/2023.

Ngày 16/5/2025, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 42.336.000đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 529.200.000đồng (năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

* Tại bản tự khai đề ngày 05/5/2025, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Huỳnh Nguyễn Thanh T trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành đối chiếu công nợ ngày 18/12/2023 tính đến thời điểm hiện tại số tiền nợ gốc mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 529.200.000đồng (năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Hiện tại, do kinh tế khó khăn, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 529.200.000đồng (năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Bị đơn xin trả tiền gốc, không trả tiền lãi và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Đồng thời bà T đồng ý Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án.

** Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Tòa án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; đảm bảo thời hạn chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu tham gia phiên tòa theo quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Từ khi Tòa án thụ lý vụ việc đến thời điểm HĐXX nghị án thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng hóa là dầu Mobil Therm 605208LT/Drum nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn trong hợp đồng mua bán hàng hóa nếu có tranh chấp xảy ra thì Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở giải quyết. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Huỳnh Nguyễn Thanh T đồng ý Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì thế Hội đồng xét xử sẽ xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về yêu cầu tính lãi suất: Ngày 16/5/2025, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 42.336.000đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G số tiền nợ gốc là 529.200.000đồng (năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền phạt chậm thanh toán là 8% giá trị số tiền nợ gốc tương ứng với số tiền 42.336.000đồng

(bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G tạm tính đến ngày 25/11/2024 là 571.536.000đồng (năm trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng mua bán hàng hóa số N156-IL-2023-SG ngày 02/6/2023; Bảng đối chiếu công nợ ngày 18/12/2023 và ngày 14/6/2024.

Xét Hợp đồng mua bán hàng hóa số N156-IL-2023-SG ngày 02/6/2023 thể hiện nội dung mà nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, đối tượng giao dịch hàng hóa là dầu Mobil Therm 605208LT/Drum không thuộc hàng cấm, bên bán có đăng ký kinh doanh hành nghề kinh doanh hoàn toàn phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại và Điều 398 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng có giá trị pháp lý, buộc các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo biên bản xác nhận công nợ ngày 18/12/2023 có thể hiện rõ số tiền phải thanh toán, số tiền đã trả, số hóa đơn và ngày xuất hóa đơn. Tổng số nợ phát sinh 629.200.000đồng, đã trả 100.000.000đồng; số nợ còn lại 529.200.000đồng.

Về nghĩa vụ thanh toán tại Điều 434 Bộ luật Dân sự quy định:

Điều 434. Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán

1. Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thỏa thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý.

2. Khi các bên không thỏa thuận thời hạn giao tài sản thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán giao tài sản và bên bán cũng có quyền yêu cầu bên mua nhận tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý.

3. Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

Về nghĩa vụ thanh toán tại Điều 50 Luật Thương mại quy định:

Điều 50. Thanh toán

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

3. Bên mua vẫn phải thanh toán tiền mua hàng trong trường hợp hàng hoá mất mát, hư hỏng sau thời điểm rủi ro được chuyển từ bên bán sang bên mua, trừ trường hợp mất mát, hư hỏng do lỗi của bên bán gây ra.

Theo hợp đồng mua bán thể hiện nội dung bên mua có trách nhiệm thanh toán cho bên bán trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn và nhận đủ hàng hóa.

Theo các hóa đơn giá trị gia tăng thì kể từ khi có hóa đơn GTGT thì 60 ngày sau bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn nhưng bên mua chỉ thanh

toán một phần nên chốt nợ ngày 18/12/2023 là 529.200.000đồng. Việc bị đơn mua hàng chỉ thanh toán một phần số nợ còn lại không thanh toán là vi phạm Điều 50 Luật Thương mại và Điều 434 Bộ luật Dân sự. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn để buộc bị đơn trả số tiền gốc còn nợ 529.200.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

Yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc còn nợ 529.200.000đồng cũng đã được người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Huỳnh Nguyễn Thanh T thừa nhận tại bản tự khai đề ngày 05/5/2025 nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định nêu trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Phát biểu của Kiểm sát viên về việc chấp hành pháp luật tố tụng cũng như các căn cứ, quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chi phí đăng báo: Bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 25, 50 Luật thương mại;

Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 434, 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G đối với bị đơn - Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2. Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G số tiền 529.200.000đồng (năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G đối với bị đơn - Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi 42.336.000đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH chỉ sợi cao su Thành C phải chịu 25.168.000 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G số tiền 13.431.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm ba mươi một đồng) tạm ứng án phí do ông Cao Minh N đã nộp và nộp thay Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam G theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0008794 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Về việc thi hành bản án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí